TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẢO LÂM** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2021/HNGĐ-ST
Ngày 22/12/2021.
Về việc: *"Không công nhận là vợ chồng"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO LÂM

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Linh**.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà: **Phan Thị Hà**.
2. Bà: **Lê Thị Sáu**.
Thư ký phiên tòa: Bà **Ka Hít** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà **Lâm Thị Hồng**-Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 22 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 63/2019/TLST-HNGĐ ngày 21/3/2019 về việc *"Không công nhận là vợ chồng"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/QĐST-HNGĐ ngày 27/8/2021, quyết định hoãn phiên tòa số 40/2021/QĐST-HNGĐ ngày 14/9/2021, quyết định tạm ngừng phiên tòa số 02/2021/QĐDS-ST ngày 08/10/2021, thông báo tiếp tục phiên tòa số 35/TB-TA ngày 05/11/2021, thông báo thay đổi thời gian xét xử số 55/2021/TB-TA ngày 25/11/2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 50/2021/QĐST-DS ngày 07/12/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Th , sinh năm 1970; địa chỉ: Thôn 6, xã L.T , huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bị đơn: Bà Lương Thị Ng , sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn 3, xã L.T , huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền về phần tranh chấp tài sản: Anh Bùi Công Tài, sinh năm 1995; địa chỉ: 107 Ngô Quyền, P6, TP Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Hoàng Minh Dũng, sinh năm 1971; địa chỉ: Thôn Tân Thịnh, phường Lộc Tiến, TP. Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.
- Ông K'Biên, sinh năm 1986 và bà Ka Dợp, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn 03, xã L.T , huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

(Ông Th , bà Ng , ông Tài, bà Ka Dợp có mặt; ông Dũng, ông K'Biên có đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Tại đơn khởi kiện ngày 06/3/2019, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Th trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Sau khi ly hôn với vợ đầu là bà Trần Thị Việt năm 2012, ông Th đến sinh sống như vợ chồng với bà Lương Thị Ng vào ngày 24/12/2014 tại phòng trọ riêng của bà Ng thuộc phường 2, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng; thời điểm này bà Ng đang sống ly thân, chưa ly hôn. Đêm 30/12/2014 ông Th có làm 01 mâm cơm tại nhà ông Lương Văn Liêm là anh cả của bà Ng , tại đây có toàn bộ anh em của bà Ng tham dự; ông có điện Th trực tiếp cho bố của bà Ng ở ngoài Bắc xin được sống chung với bà Ng thì bố bà Ng đồng ý. Sau khi về phòng trọ ông cũng làm 01 mâm cơm có anh em của bà Ng và những người cùng dãy trọ tham dự nhưng không có ông Liêm. Tháng 3/2016 ông Th , bà Ng dời về phòng trọ nhà bà Tám sau Quỹ tín dụng phường 2, thành phố Bảo Lộc tại đây ông Th , bà Ng có đăng ký tạm trú theo quy định. Ngày 19/7/2016, bà Ng ly hôn với chồng đến tháng 12/2016 cả hai dời về thuê trọ tại số nhà 200 Phan Đình Phùng phường 2, thành phố Bảo Lộc. Quá trình chung sống ông Th làm vườn còn bà Ng làm công nhân đến tháng 3/2017 phát sinh mâu thuẫn do bà Ng không chịu đăng ký kết hôn và sinh con nên bà Ng tự dọn ra thuê trọ riêng cho đến nay.

Do ông Th và bà Ng sống chung như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn nên ông Th yêu cầu Tòa án không công nhận ông và bà Ng là vợ chồng.

2. Về tài sản chung: Quá trình chung sống ông Th và bà Ng có thỏa thuận mua chung 01 lô đất tại Thôn 3, xã L.T , huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng của vợ chồng ông K'Biên và bà Ka Dợp trị giá 410.000.000đ nhưng để bà Ng đứng tên mua bán và đứng tên Giấy chứng nhận QSD đất. Cụ thể trước ngày 06/9/2016 ông và bà Ng đến nhà vợ chồng ông K'Biên và bà Ka Dợp đặt cọc 10.000.000đ; ông Th góp 5.000.000đ, bà Ng góp 5.000.000đ từ tiền mượn của anh trai Lương Văn Liêm; việc đặt cọc không lập giấy tờ gì với nhau. Ngày 06/9/2016, trước khi đến nhà vợ chồng ông K'Biên và bà Ka Dợp ông Th có đưa cho bà Ng 200.000.000đ để cùng nhau đến đặt cọc đất lần 2; tại nhà vợ chồng ông K'Biên và bà Ka Dợp ông Th là người trực tiếp đưa cho vợ chồng ông K'Biên và bà Ka Dợp 200.000.000đ rồi ông Th viết Đơn xin chuyển nhượng đất ngày 06/9/2016 có nội dung "*Ngày 06/9/2016, chị Lương Ng đã đặt cọc tiền đất cho vợ chồng tôi với số tiền cọc 210.000.000đ. Số tiền còn lại chị Lương Minh Ng hẹn khi nào tôi giao sổ cho chị Lương Minh Ng thì chị Lương Minh Ng sẽ giao hết số tiền còn lại là 200.000.000đ*".

Do đất của người Dân tộc bán cho người Kinh sẽ không làm được giấy chứng nhận QSD đất nên các bên thống nhất nhờ ông Nguyễn Hoàng Minh Dũng là

người quen của bà Ka Lái (mẹ của ông K'Biên) đứng ra là người bán đất và chịu trách nhiệm đăng ký kê khai để cấp GCNQSD đất đứng tên bà Ng .

Ông Th và bà Ng cùng nhau canh tác, quản lý, sử dụng lô đất trên đến khoảng tháng 3/2017 ông Th không canh tác, quản lý, sử dụng nữa do bà Ng có quan hệ với người đàn ông khác nên ông Th bực tức đã dùng cưa và tay cưa, bẻ cà phê trên thửa đất mua chung với bà Ng và bị khởi tố bắt giam về tội cố ý làm hư hỏng tài sản. Do khi mua đất đã thống nhất để bà Ng đứng tên và không có chứng cứ nào chứng minh thửa đất trên là ông mua chung với bà Ng nên ông đã nhờ ông Dũng viết cho ông tờ giấy xác nhận ông có giao 200.000.000đ cho ông Dũng để nhận 02 GCNQSD đất gồm thửa 277, 278 vào ngày 23/01/2017 nhằm chứng minh các thửa đất này ông mua chung với bà Ng để kêu oan. Tuy nhiên, việc kêu oan không được chấp nhận. Tại phiên tòa ông Th xác nhận thực tế người bán đất là vợ chồng ông K'Biên và bà Ka Dợp, không phải ông Dũng và người nhận 02 GCNQSD đất, đưa 200.000.000đ còn lại cho vợ chồng ông K'Biên là bà Ng không phải là ông.

Do đây là tài sản chung của ông và bà Ng nên ông Th yêu cầu được chia ½ quyền sử dụng đất và tài sản trên đất, ông có nguyện vọng nhận thửa 278 và đồng ý thanh toán công sức đóng góp, quản lý, tôn tạo tài sản trên cho bà Ng 50.000.000đ, sau khi trừ số tiền trên ông không yêu cầu bà Ng thanh toán phần giá trị chênh lệch.

3. Về chi phí tố tụng: Chi phí thẩm định tại chỗ, đo vẽ, định giá hết 20748.000đ ông Th đã nộp tạm ứng xong và đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

4. Về con chung, nợ chung: Ông Th trình bày giữa ông và bà Ng không có con chung, không có nợ chung.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của ông Th giao nộp Đơn xin xác nhận ngày 24/2/2018 được UBND xã L.T xác nhận ngày 20/3/2018, Đơn xin chuyển nhượng đất ngày 06/9/2016, Đơn trình bày của ông K'Biên ngày 17/7/2018, Giấy viết tay trên tờ lịch về việc giao nhận 200.000.000đ và 02 GCNQSD đất giữa ông Dũng với ông Th ngày 23/01/2017, Đơn xác nhận của Công an phường 2 thành phố Bảo Lộc ngày 11/10/2021.

Quá trình giải quyết vụ án bà Ng không đến làm việc nên không có bản khai nào. Tại phiên tòa xét xử ngày 08/10/2021, bà Ng cho rằng bà không biết ông Th là ai, sau đó thì cho rằng bà và ông Th chỉ là bạn bè và cho rằng thửa đất 277, 278 tờ bản đồ 27 xã L.T , huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng là tài sản riêng của bà. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay ngày 13/12/2021 thì bà Ng xác nhận năm 2014 bà đang ly thân với chồng và có sống chung với ông Th tại phòng trọ ở phường 2 thành phố Bảo Lộc; bà và ông Th có đăng ký tạm trú như xác nhận của Công an phường 2 vào ngày 11/10/2021 nhưng giữa bà và ông Th không sống chung như vợ chồng, không có đăng ký kết hôn nên không đồng ý yêu cầu của ông Th về việc không công nhận bà và ông Th là vợ chồng.

Đối với tài sản thì bà Ng thừa nhận trước ngày 06/9/2016, bà và ông Th có đóng góp mỗi người 5.000.000đ để đặt cọc mua thửa đất qua đo đạc và được cấp GCNQSD đất là thửa 277, 278 tờ bản đồ 27 tại thôn 3, xã L.T , huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng với giá chuyển nhượng là 410.000.000đ như ông Th trình bày. Ngày 06/9/2016, bà đặt cọc thêm 200.000.000đ, ông Th là người viết giấy cọc (Đơn xin chuyển nhượng đất) còn tiền là của bà. Bà Ng cũng xác nhận ông Dũng chỉ là người đứng ra làm thủ tục cấp GCNQSD đất còn chủ đất và người bán đất chính là vợ chồng ông K'Biên và bà Ka Dợp. Sau khi ông Dũng làm xong thủ tục cấp GCNQSD đất thì giao lại cho vợ chồng ông K'Biên và bà đã nhận GCNQSD đất trực tiếp từ vợ chồng ông K'Biên, bà Ka Dợp rồi giao 200.000.000đ mua đất còn lại; hiện bà là người giữ 02 GCNQSD đất này. Toàn bộ thửa đất 277, 278 là tài sản riêng của bà nên bà không đồng ý yêu cầu chia tài sản của ông Th cũng như yêu cầu về chi phí tố tụng ông Th đã tạm ứng.

Để chứng minh cho trình bày của mình bà Ng giao nộp tại phiên tòa bản photo GCNQSD đất thửa 277, 278 số hiệu CD 194709, CD 149708; bản photo hợp đồng tín dụng ngày 20/02/2017; quyết định thuận tình ly hôn số 50/2016/QĐST-HNGĐ ngày 19/7/2016 của Tòa án nhân dân huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Ng về tài sản là anh Tài thống nhất trình bày của bà Ng và đề nghị không chấp nhận yêu cầu chia tài sản của ông Th .

Tại biên bản lấy lời khai ngày 27/7/2021, vợ chồng ông K'Biên và bà Ka Dợp xác nhận ông bà là chủ sử dụng thửa đất 277, 278; nguồn gốc đất này là của ông K'Bres khai phá sau đó cho bà Ka Lái sử dụng (Bà Ka Lái là mẹ ông K'Biên), năm 2008 bà Ka lái cho vợ chồng ông bà sử dụng. Năm 2016, do cần tiền làm nhà nên đã bán lại cho ông Th và bà Ng với giá 410.000.000đ; trước ngày 06/9/2016 ông Th và bà Ng đặt cọc 10.000.000đ; ngày 06/9/2016 đặt cọc thêm 200.000.000đ và viết giấy cọc ghi ông Dũng là người nhận tiền, bà Ng là người giao tiền, ông K' Biên là người làm vườn. Tuy nhiên, thực tế người bán đất là vợ chồng ông, bà; người mua đất là ông Th , bà Ng còn ông Dũng chỉ là người được bà Ka Lái nhờ đứng ra làm thủ tục cấp GCNQSD đất cho bà Ng . Ngày 27/9/2021 ông bà có đơn giải trình và xin vắng mặt xét xử nộp ngày 29/9/2021 cho rằng chỉ bán đất cho bà Ng . Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay ngày 13/12/2021 thì bà Ka Dợp khẳng định vợ chồng bà bán đất cho ông Th và bà Ng ; việc ông Th để bà Ng đứng tên mua bán bà không rõ. Cụ thể việc mua bán đất diễn ra đúng như ông Th trình bày tại phiên tòa, cụ thể: Trước ngày 06/9/2016 ông Th và bà Ng đặt cọc 10.000.000đ đến ngày 06/9/2016 đặt cọc thêm 200.000.000đ, ông Th là người trực tiếp viết giấy cọc và giao 200.000.000đ cho vợ chồng bà; ông Dũng chỉ là người được bà Ka Lái nhờ làm thủ tục cấp GCNQSD đất. Sau khi ông Dũng giao 02 GCNQSD đất đứng tên bà Ng thì bà Ng đưa 200.000.000đ còn lại và nhận 02 GCNQSD đất nói trên.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 27/7/2021 và tại phiên tòa bà Ka Lái cũng khẳng định thửa đất 277 và 278 là của cha bà ông K'Bres khai phá cho vợ chồng

bà, năm 2008 bà cho lại vợ chồng ông K'Biên, bà Ka Dợp; năm 2008 do cần tiền làm nhà nên vợ chồng K'Biên bán lại cho ông Th , bà Ng ; bà đã nhờ ông Dũng là bạn của bà đứng ra làm thủ tục cấp GCNQSD đất đứng tên bà Ng và nhận tiền công, ông Dũng không phải là chủ đất, không phải là người bán đất cho ông Th , bà Ng .

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn sơ thẩm theo quy định tại Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Th về không công nhận ông và bà Ng là vợ chồng, không chấp nhận yêu cầu chia tài sản và buộc ông Th chịu chi phí tố tụng, án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Tại phiên tòa bà Ng xác nhận năm 2014 bà đang ly thân với chồng và có sống chung với ông Th tại phòng trọ ở phường 2 thành phố Bảo Lộc; bà và ông Th có đăng ký tạm trú như xác nhận của Công an phường 2 vào ngày 11/10/2021 nhưng giữa bà và ông Th không sống chung như vợ chồng, không có đăng ký kết hôn là phù hợp với xác nhận của Công an Phường 2, UBND xã L.T và trình bày của ông Th . Việc bà Ng và ông Th có chung sống với nhau trên thực tế trong một thời gian dài từ 12/2014 khi bà Ng chưa ly hôn đến khi bà Ng ly hôn tháng 7/2016 đã thể hiện mong muốn được tiếp tục sống chung và tiến đến hôn nhân với ông Th . Mặc khác, để mong muốn tiến đến hôn nhân, có con với nhau thì bà Ng và ông Th còn góp tiền mua chung thửa đất 277, 278 tờ bản đồ 27 xã L.T . Tuy nhiên, quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn xuất phát từ việc bà Ng không chịu kết hôn, không sinh con và có quan hệ với người đàn ông khác nên tháng 3/2017 ông Th và bà Ng không còn chung sống với nhau nữa.

Từ các căn cứ như trên có thể xác định ông Th và bà Ng chung sống như vợ chồng là không hợp pháp, vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình 2014. Căn cứ Khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần xử không công nhận ông Th và bà Ng là vợ chồng.

[2] Về con chung: Ông Th và bà Ng không có con chung, ông Th không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung:

[3.1] Tại phiên tòa ông Th cho rằng vì muốn tiếp tục chung sống, kết hôn và có con với bà Ng nên ông đã đồng ý cùng bà Ng mua đất của vợ chồng ông

K’Biên, bà Ka Dợp và đồng ý để bà Ng đứng tên mua đất, đứng tên GCNQSD đất. Mặc dù không được bà Ng xác nhận nội dung này nhưng bà Ng lại xác nhận trước ngày 06/9/2016, bà và ông Th mỗi người góp 5.000.000đ để đặt cọc để mua thửa đất 277, 278 tờ bản đồ 27 xã L.T của vợ chồng ông K’Biên, bà Ka Dợp với giá chuyển nhượng là 410.000.000đ; đồng thời bà Ng cũng xác nhận ông Dũng không phải chủ đất, không phải người bán đất mà chỉ là người được nhờ đứng ra làm thủ tục cấp GCNQSD đất. Mặt khác, bà Ng xác nhận ngày 06/9/2016, khi đặt cọc thêm 200.000.000đ, ông Th là người viết giấy cọc (Đơn xin chuyển nhượng đất) người đứng tên nhận chuyển nhượng đất là bà Ng phù hợp với trình bày trên của ông Th .

[3.2] Tại phiên tòa bà Ka Dợp xác nhận ông Th là người trực tiếp giao số tiền trên cho vợ chồng bà và viết giấy cọc phù hợp với lời khai của ông K’Biên ngày 27/7/2021 và lời trình bày của ông Th cho rằng trước khi đến đặt cọc lần 2 ông Th đã đưa cho bà Ng số tiền này, đây là tiền của ông có được từ việc ông bán nhà đất sau khi ly hôn với bà Trần Thị Việt vào năm 2012. Còn bà Ng cho rằng số tiền 200.000.000đ này là của bà, ông Th chỉ là bạn bè đi chung xe đến nhà vợ chồng ông K’Biên, bà Ka Dợp và nhờ viết giấy cọc là không phù hợp với trình bày của bà Ka Dợp nêu trên.

Như vậy có căn cứ xác định ông Th đã góp 02 lần tiền để mua đất, lần thứ nhất trước ngày 06/9/2016 là 5.000.000đ, lần thứ 2 vào ngày 06/9/2016 là 200.000.000đ.

[3.3] Tại phiên tòa bà Ng , ông Th và bà Ka Dợp đều xác nhận sau khi ông Dũng làm xong thủ tục cấp GCNQSD đất cho bà Ng đã giao lại GCNQSD đất này cho bà Ng và được bà Ng giao trả 200.000.000đ còn lại cho vợ chồng ông K’Biên, bà Ka Dợp. Như vậy có đủ căn cứ xác nhận bà Ng đã góp 02 lần tiền để mua đất, lần thứ nhất trước ngày 06/9/2016 là 5.000.000đ, lần thứ 2 là 200.000.000đ sau khi nhận GCNQSD đất từ vợ chồng ông K’Biên.

Từ những căn cứ trên Hội đồng xét xử xác định thửa đất 277, 278 tờ bản đồ 27 xã L.T , huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng là tài sản chung của ông Th và bà Ng . Do dó, ông Th yêu cầu chia tài sản trên là có căn cứ chấp nhận; ông Th có nguyện vọng được nhận thửa 278 có diện tích 2.418m^2 trị giá 432.822.000đ, tương đương 265,9 cà phê có giá trị 78.983.522đ; tổng cộng trị giá quyền sử dụng đất và tài sản trên đất của thửa 278 là 511.805.522đ. Thửa 277 có diện tích 3.777m^2 trị giá 676.083.000đ, tương đương 415,4 cây cà phê trị giá 123.375.000đ, 01 căn nhà tạm 63m^2 trị giá 1.116.000đ; tổng cộng trị giá quyền sử dụng đất và tài sản trên đất của thửa 277 là 900.574.000đ. Xét yêu cầu của ông Th phù hợp nên cần giao cho ông thửa đất 278, giao cho bà Ng thửa đất 277.

[3.4] Ông Th xác nhận từ tháng 3/2017 cho đến nay bà Ng là người trực tiếp quản lý, canh tác, sử dụng đất. Mặc dù bà Ng không yêu cầu nhưng ông Th đồng ý thanh toán cho bà 50.000.000đ công sức đóng góp, quản lý, tôn tạo tài sản là phù

hợp nên cần ghi nhận. Sau khi trừ đi số tiền 50.000.000đ này ông Th không yêu cầu bà Ng thanh toán chênh lệch trị giá tài sản mà bà Ng được nhận.

[3.5] Cần buộc bà Ng giao nộp GCNQSD đất của thửa số 278 cho ông Th để ông Th đăng ký sang tên theo quy định.

[4] Về nợ chung: Ông Th trình ông và bà Ng không có nợ chung nên không xem xét, giải quyết.

[5] Về chi phí tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án ông Th đã tạm ứng chi phí xem xét thẩm định, đo vẽ, định giá tài sản hết 20.748.000đ. Ông Th được nhận tài sản trị giá là 461.805.522đ (511.805.522đ - 50.000.000đ), bà Ng được nhận tài sản trị giá là 950.574.000đ (900.574.000đ + 50.000.000đ). Do đó, Hội đồng xét xử xác định tỷ lệ 40:60, ông Th chịu 40% x 20.748.000đ = 8.299.200đ, bà Ng chị 60% x 20.748.000đ = 12.448.800đ. Phần ông Th đã nộp xong, do đó buộc bà Ng phải hoàn trả cho ông Th 12.448.800đ chi phí tố tụng ông Th đã tạm ứng.

[5] Về án phí:

- Ông Th phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm về việc yêu cầu không công nhận là vợ chồng và 22.472.000đ án phí dân sự sơ thẩm trên trị giá tài sản được chia (461.805.522đ).

- Bà Ng phải nộp 40.517.000đ án phí dân sự sơ thẩm trên trị giá tài sản được chia (905.574.000đ).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH :

Áp dụng khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 9 và Điều 14, 16 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 219 Bộ luật dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Th , không công nhận ông Nguyễn Văn Th và bà Lương Thị Ng là vợ chồng.

2. Về tài sản chung:

Công nhận thửa đất thửa đất 277, 278 tờ bản đồ 27 xã L.T , huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng là tài sản chung của ông Nguyễn Văn Th và bà Lương Thị Ng (Kèm theo trích lục thửa đất ngày 24/6/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Bảo Lâm).

- Giao cho ông Nguyễn Văn Th quyền sử dụng đất và tài sản trên đất có diện tích 2.418m^2 thuộc thửa đất số 278 tờ bản đồ 27 xã L.T , huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm

Đồng (Kèm theo trích lục thửa đất ngày 24/6/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Bảo Lâm)

- Giao cho bà Lương Thị Ng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất có diện tích 3.777m^2 thuộc thửa đất số 277 tờ bản đồ 27 xã L.T , huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng (Kèm theo trích lục thửa đất ngày 24/6/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Bảo Lâm)

Buộc Bà Lương Thị Ng giao cho ông Nguyễn Văn Th giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa 278 tờ bản đồ 27 xã L.T , huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng số hiệu CD 194709 vào sổ cấp GCN số CH02734 ngày 18/01/2017. Ông Th có trách nhiệm liên hệ cơ quan có thẩm quyền để đăng ký biến động đối với thửa đất 278 theo quy định của pháp luật

3. Chi phí tố tung: Buộc bà Lương Thị Ng phải hoàn trả cho ông Nguyễn Văn Th 12.448.800đ (Mười hai triệu bốn trăm bốn mươi tám ngàn tám trăm đồng) chi phí tố tụng.

"Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự".

4. Về án phí:

- Ông Th phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm về việc yêu cầu không công nhận là vợ chồng và 22.472.000đ (Hai mươi hai triệu bốn trăm bảy mươi hai ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Khấu trừ số tiền 5.425.000đ (Năm triệu bốn trăm hai mươi lăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số AA/2016/0012842 ngày 21/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng. Ông Th còn phải nộp 17.347.000đ (Mười bảy triệu ba trăm bốn mươi bảy ngàn đồng).

- Bà Ng phải nộp 40.517.000đ (Bốn mươi triệu năm trăm mười bảy ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Ông Th , bà Ng , bà Ka Dợp có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 22/12/2021; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông K'Biên, ông Dũng vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản sao bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chỉ được quyền kháng cáo phần có liên quan.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7; Điều 7a,

7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự"

***Nơi nhận**:*
- TAND tỉnh Lâm Đồng (2)
- VKS huyện Bảo Lâm;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Các Đương sự;
- CC.THADS huyện Bảo Lâm;
- UBND xã L.T ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Linh

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Hà **Lê Thị Sáu** **Nguyễn Văn Linh**